TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TUY PHONG
TỈNH BÌNH THUẬN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: **15**/2022/HNGĐ-ST
Ngày: 10/6/2022
V/v "Ly hôn, tranh chấp nuôi con chung"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TUY PHONG - TỈNH BÌNH THUẬN

-Với thành phần Hội đồng xét xử gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên tòa: Ông Lý Văn Lấy

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Phạm Văn Minh

2. Ông Ngô Anh Tuấn

-Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên toà: Ông Văn Hồng Lễ - Cán bộ Tòa án nhân dân huyện Tuy Phong

-Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tuy Phong *tham gia phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị Hoa- Kiểm sát viên

Trong ngày 10 tháng 6 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tuy Phong, tỉnh Bình Thuận xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số: 246/2021/TLST-HNGĐ ngày 29 tháng 10 năm 2021 về việc: "Ly hôn, tranh chấp nuôi con chung " theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 15/2022/QĐXX-ST- ngày 29 tháng 4 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 16/2022/QĐ-HPT ngày 17 tháng 5 năm 2022 của Tòa án nhân dân huyện Tuy Phong, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: bà **Nguyễn Thị T**, sinh năm 1983

Địa chỉ: thôn H, xã C, huyện T, Bình Thuận

2. Bị đơn: ông **Ngô V**, sinh năm 1981

Địa chỉ: thôn H, xã C, huyện T, Bình Thuận

(Có mặt nguyên đơn, vắng mặt bị đơn).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn xin ly hôn ngày 14/10/2021 và các lời khai tại Tòa án, nguyên đơn bà Nguyễn Thị T trình bày: Bà và ông Ngô V xác lập quan hệ vợ chồng trên cơ sở tự nguyện từ năm 2003, đăng ký kết hôn tại UBND xã C. Trong quá trình sống chung thì giữa bà và ông V sống không hạnh phúc và liên tục xảy ra mâu thuẫn từ khi sinh con

thứ hai. Nguyên nhân là do ông V trước đây có quan hệ bất chính bên ngoài, sống quá khắc khê, có tính gia trưởng, chửi bới, xúc phạm tôi, dẫn đến thường xuyên cải vã. Mặc dù bà và ông V sống chung căn nhà nhưng ngày nào ông V cũng gây chuyện chửi bới nên bà chịu hết nổi cảnh ông V thường hay quấy rối, xúc phạm tôi, tôi cảm thấy không còn tình cảm với ông V nữa. Vì vậy, tôi kính mong Tòa án giải quyết cho tôi được ly hôn với ông V.

Về con chung: 02 đứa. Ngô Thị Tuyết B, sinh ngày 07/3/2002 và Ngô Tuyết D, sinh ngày 02/8/2003 hiện đang ở với bà, nếu ly hôn, tùy theo nguyện vọng của các con, vì họ đã trưởng thành.

Về tài sản chung: Có căn nhà cấp 4 diện tích 25m² xây trên diện tích 95,82m² đất, nhà đất chưa có giấy chứng nhận, tọa lạc tại xóm 23, thôn H, xã C. Để tự thỏa thuận;

Về nợ chung: Để tự thỏa thuận

Bị đơn ông Ngô V vắng mặt nên không ghi được lời khai.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện T phát biểu ý kiến như sau:

- Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán: Trong quá trình giải quyết vụ án, Thẩm phán đã tuân thủ theo đúng các quy định về pháp luật tố tụng dân sự

- Việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử: Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự về phiên tòa sơ thẩm và đảm bảo đúng nguyên tắc xét xử.

- Việc chấp hành pháp luật của các đương sự trong vụ án:

Từ khi thụ lý vụ án cũng như tại phiên tòa hôm nay nguyên đơn sự đã thực hiện đúng Điều 70 và Điều 71 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Bị đơn không thực hiện đúng Điều 70 và Điều 72 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, bị đơn đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng không đến Tòa căn cứ vào khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 đề nghị Hội đồng xét xử vắng mặt bị đơn.

- Quan điểm giải quyết vụ án:

Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng: khoản 1 Điều 28; khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39, Điều 91, Điều 146, Điều 147 của Bộ Luật tố tụng dân sự năm 2015; Điều 19; Điều 51; khoản 1 Điều 56; khoản 3 Điều 81, Điều 82 và Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí về lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

- Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà Nguyễn Thị T. Bà Nguyễn Thị T được ly hôn với ông Ngô V.
- Về con chung: Đã trưởng thành
- Về án phí: Bà Nguyễn Thị T phải chịu án phí theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Quá trình giải quyết vụ án, ông Ngô V đã được triệu tập hợp lệ nhưng ông V không đến Tòa án làm việc. Tòa án đã xác minh địa chỉ của ông V đúng theo địa chỉ nguyên đơn cung cấp và tiến hành cấp, tống đạt, thông báo các văn bản tố tụng đúng theo quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều 172; khoản 3, khoản 5 Điều 177 và Điều 179 Bộ luật tố tụng dân sự cho ông Ngô V, do ông Ngô V vắng mặt không có lý do đến lần thứ hai nên Hội đồng xét xử căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 để tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn theo thủ tục chung.

[2] Về nội dung vụ án: Hôn nhân giữa bà Nguyễn Thị T và ông Ngô V được xác lập là hợp pháp, trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại Uỷ ban nhân dân xã C, huyện T, tỉnh Bình Thuận. Quá trình chung sống do ông V trước đây có quan hệ bất chính bên ngoài, sống quá khắc khê với vợ con, có tính gia trưởng, chửi bới, xúc phạm bà, dẫn đến thường xuyên cải vã, bà đã cố gắng chịu đựng và khuyên ông V nhưng ông V không thay đổi bà không thể chịu đựng được nữa. Bà T xác nhận mặc dù bà và ông V vẫn còn sống chung căn nhà nhưng ngày nào ông V cũng gây chuyện chửi bới nên bà chịu hết nổi cảnh chồng thường hay quấy rối, xúc phạm bà. Bà không còn tình cảm với ông V nữa, nên bà yêu cầu giải quyết cho bà được ly hôn với ông Ngô V.

Xét thấy, bà T và ông V đã xảy ra nhiều mâu thuẫn trong gia đình, trong thời gian chờ Tòa xét xử thì giữa bà T và ông V không tự tìm phương án hòa giải để vợ chồng cùng đoàn tụ, ông V đã vi phạm nghĩa vụ đối với vợ con. Chứng tỏ cuộc sống vợ chồng giữa bà T và ông V đã thực sự đổ vỡ, cuộc sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên Hội đồng xét xử căn cứ Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình chấp nhận yêu cầu của bà T.

[3] Về con chung: Đã trưởng thành nên không xem xét;

[4] Về tài sản và nợ chung: Không yêu cầu giải quyết, nên không xem xét;

[5] Về án phí: Căn cứ vào điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí về lệ phí Tòa án, bà T phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định pháp luật.

Bởi các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

[1] Áp dụng: khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; khoản 3 Điều 36; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 217, 218, 219; Điều 146 và Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227 của

Bộ Luật tố tụng dân sự năm 2015; Điều 51; khoản 1 Điều 56; Điều 81; Điều 82 và Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

[2] Tuyên xử:

Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà Nguyễn Thị T. Bà Nguyễn Thị T được ly hôn với ông Ngô V.

Về con chung: Đã trưởng thành.

Về án phí: bà Nguyễn Thị T phải nộp **300.000đ** (Ba trăm ngàn đồng) án phí ly hôn sơ thẩm; Được trừ vào số tiền **300.000đ** (Ba trăm ngàn đồng) tạm ứng án phí bà đã nộp tại biên lai thu số 0003115 ngày 29/10/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện T, bà T đã nộp đủ án phí.

[3] Quyền kháng cáo của bà Nguyễn Thị T là 15 ngày kể từ ngày tuyên án (10/6/2022), đối với ông Ngô V vắng mặt thời hạn kháng cáo là 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:
-TAND tỉnh Bình Thuận;
- VKSND huyện T;
- Chi cục THADS huyện T;
- UBND xã (thị trấn)
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Lý Văn Lấy